



# Unit 6: Addition to 20

## Lesson 2: Addition to 10 (2)

### I. Listen and repeat 3 times. (Nghe và đọc lại 3 lần)

| Vocabulary | Vietnamese meaning |
|------------|--------------------|
| plus       | +                  |
| equals     | =                  |
| is         | =                  |

### II. Listen and repeat 3 times. (Nghe và đọc lại 3 lần)

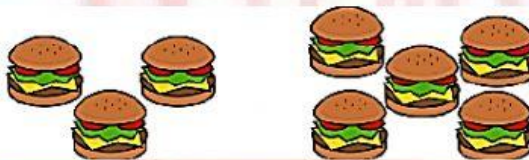
| Form                                                       | Example                                                                                                                                                                   |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| “(Number) <b>plus</b> (number) <b>equals/is</b> (number).” | <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block;"><math>5 + 3 = 8</math></div><br>5 <b>plus</b> 3 <b>equals</b> 8<br>5 <b>plus</b> 3 <b>is</b> 8 |

### III. Exercises

#### 1. Count and write the numbers. (Đếm, viết số và hoàn thành phép cộng)



3 plus 6 is 9



       plus        is       



       plus        is

**2. Complete.** (Hoàn thành các phép cộng)

a. 4 plus 5 is

e. 5 plus 3 is

b. 3 plus 6 is

f. 4 plus 2 is

c. 7 plus 1 is

g. 3 plus 4 is

d. 2 plus 8 is

h. 3 plus 7 is

**3. Match.** (Nối)

$8 + 0$

7

3 plus 5

$4 + 5$

8

6 plus 1

$2 + 8$

9

4 plus 6

$3 + 4$

10

7 plus 2